TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST Ngày: 04 - 5 - 2022 “ V/v ly hôn”	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Bé Sáu;

Bà Nguyễn Thị Oanh Kiều.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 04 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hồng Ngự, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 thándg 3 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST–HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022, về việc “ Ly hôn” giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Th, sinh năm 1979;

- Bị đơn: Anh Huỳnh Long G, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: khóm A, phường AB, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 07/02/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị Th trình bày: Vào năm 1997 chị và anh Huỳnh Long G cưới nhau, không đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Huỳnh Thị Kiều L, sinh ngày 19/3/1998 và Huỳnh Thị Kiều Nh sinh ngày 02/9/2003. Từ đầu năm 2021, cuộc sống của vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng không còn sống chung với nhau. Nay mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

+ Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Long G;

+ Về con chung: Hiện 02 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải

quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Huỳnh Long G vắng mặt nhưng căn cứ vào bản khai của anh G thể hiện ý kiến như sau: Vào năm 1998 anh và Trương Thị Th cưới nhau, không đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Huỳnh Thị Kiều L, sinh ngày 19/3/1998 và Huỳnh Thị Kiều Nh sinh ngày 02/9/2003. Anh thừa nhận có làm khổ vợ con nhiều, trước Tòa anh xin hứa sau này anh không để cho vợ con buồn phiền nữa. Anh xin được hàn gắn ại để cùng lo cho con. Nay chị Th yêu cầu ly hôn thì anh có ý kiến như sau:

+ Về hôn nhân: Tôi không đồng ý ly hôn;

+ Về con chung: Hiện 02 con chung đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Toà án giải quyết;

+ Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng tôi không nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ kiện Ly hôn thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Huỳnh Long G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Xét thấy việc đề nghị vắng mặt của anh G là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định tại khoản Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trương Thị Th và anh Huỳnh Long G cùng xác định việc chung sống giữa anh chị có nhiều mâu thuẫn xảy ra, anh Giang thừa nhận đã làm khổ vợ, con. Anh G hứa sẽ khắc phục sửa chữa, chăm lo cho gia đình nên anh G không thống nhất ly hôn. Tuy nhiên, xét về quan hệ hôn nhân của chị Trương Thị Th và anh Huỳnh Long G là hôn nhân không hợp pháp vì anh, chị không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân gia đình.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

"1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý."

Do đó, Hội đồng xét xử xét tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trương Thị Th và anh Huỳnh Long Gi là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị Trương Thị Th và anh Huỳnh Long G chung sống có 02 con chung tên Huỳnh Thị Kiều L, sinh ngày 19/3/1998 và Huỳnh Thị Kiều Nh sinh ngày 02/9/2003. Hiện 02 con chung đã trưởng thành nên chị Th và anh G đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Chị Trương Thị Th và anh Huỳnh Long G đều xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Về án phí ly hôn: Chị Trương Thị Th phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 9, 14, 53 và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trương Thị Th và anh Huỳnh Long G.

2. Về con chung: Có 02 người con chung tên Huỳnh Thị Kiều L, sinh ngày 19/3/1998 và Huỳnh Thị Kiều Nh sinh ngày 02/9/2003, hai con chung đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung: Chị Trương Thị Th và anh Huỳnh Long G tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Trương Thị Th chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai số 0006508 ngày 16/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự; chị Trương Thị Th đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm;

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (Sửa đổi bổ sung năm 2014)".

Nơi nhận:
- Các Đương sự;
- VKSND TP. Hồng Ngự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phan Thị Mỹ Dung